

ĐC

286

CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN THANH LIÊM

(7-1954 — 4-1975)

Sơ thảo

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN THANH LIÊM

10-2000

324 25970702570

L 312 S

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN THANH LIÊM
(7-1954 — 4-1975)

Sơ thảo

ĐC: 286



BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN THANH LIÊM

10-2000

LỜI GIỚI THIỆU



Thực hiện Chỉ thị số 39/CT-TW ngày 10-3-1978 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV), Công văn 87/CV-TU ngày 28-5-1999 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam “Về việc nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh, huyện, thị, ngành”; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thanh Liêm lần thứ 25 về công tác nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn Lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn cách mạng 1954 - 1975, Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã cụ thể hóa nhiệm vụ sưu tầm, thẩm định tư liệu biên tập Lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn cách mạng 1954 - 1975 (kể tiếp tập I : 1930 - 1954) đã xuất bản).

Trong giai đoạn cách mạng 1954 - 1975, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo toàn quân và toàn dân trong huyện vượt qua những trở lực về thiên tai địch họa để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng của Đảng : xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, lập nên những chiến tích hào hùng. Đảng bộ đã đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ ở nông thôn, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng chủ nghĩa xã hội, từng bước chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, tất cả cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chúng tôi cho xuất bản Tập II Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Liêm giai đoạn 1954 - 1975 nhằm góp phần giáo dục truyền thống yêu quê hương đất nước cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân trong huyện.

Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ rất phong phú, nhiều sự kiện diễn ra cùng lúc, đa dạng và vô cùng sinh động, tái hiện lịch sử bao giờ cũng khó, tư liệu lịch sử Đảng bộ trong giai đoạn này lưu giữ còn lại rất ít, việc sưu tầm tư liệu thành văn và tư liệu sống còn thiếu, biên soạn chắc chắn còn khiêm khuyết.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn : Văn phòng, Phòng lưu trữ Tỉnh ủy Nam Định ; Văn phòng, bộ phận lưu trữ Tỉnh ủy Hà Nam, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Nam, các đồng chí cán bộ chủ chốt của huyện, các đồng chí cán bộ, đảng viên, các phòng ban trong huyện đã đóng góp tư liệu, ý kiến và giúp đỡ về chuyên môn để tác phẩm được ra đời chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 26.

Do còn hạn chế về chuyên môn nên bộ phận biên soạn, biên tập không tránh khỏi thiếu sót. Mong các đồng chí lượng thứ và tiếp tục đóng góp xây dựng để lần xuất bản sau được hoàn chỉnh hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của Đảng bộ và nhân dân trong huyện.

Ngày 01 tháng 10 năm 2000

T.M BAN CHỈ ĐẠO - TRƯỞNG BAN

**BÍ THƯ HUYỆN ỦY
NGUYỄN MẠNH HÙNG**

BẢN ĐỒ HUYỆN THANH LIÊM

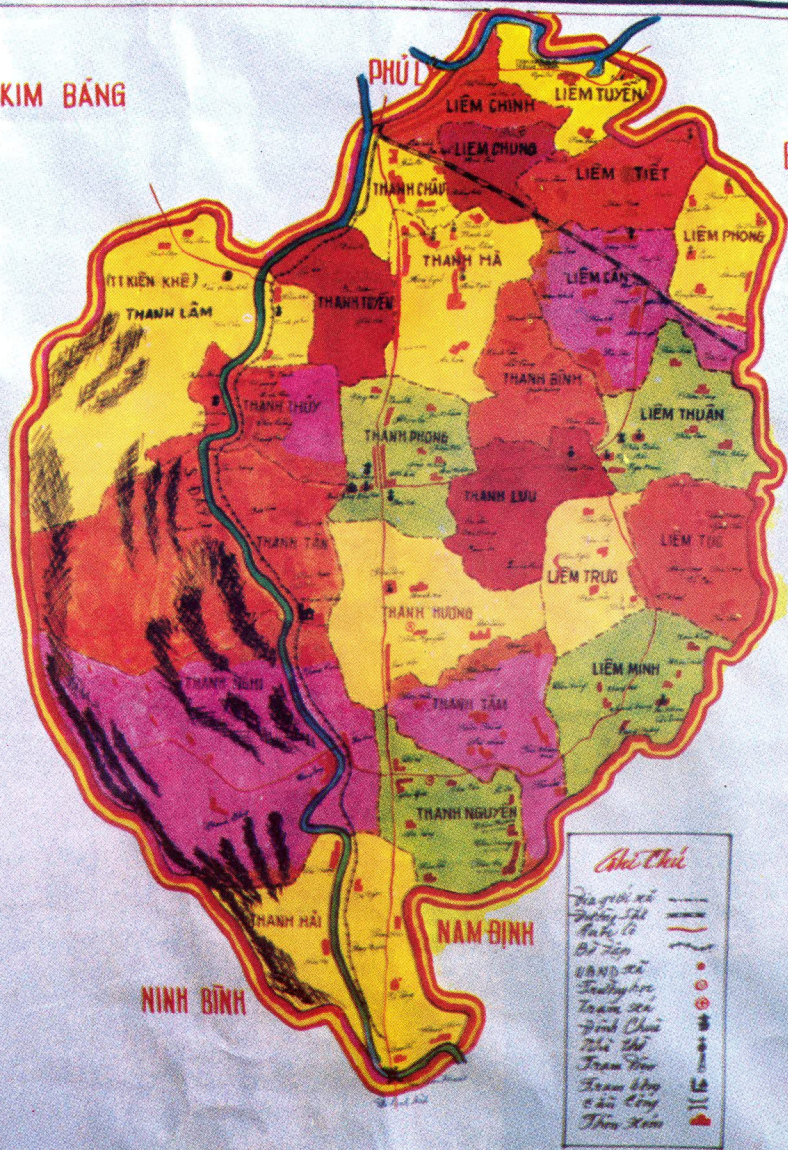
THỜI KỲ 1956-1975

KIM BẢNG

PHÚ L

BÌNH

LỤC



CHƯƠNG I

THIẾT LẬP QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT CHO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (7-1954 — 1965)

I - HẠN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, PHỤC HỒI KINH TẾ, THỰC HIỆN GIẢM TÔ VÀ CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (7-1954 — 1957) :

Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, Pháp phải công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Thực dân Pháp chỉ thi hành một số điều khoản đã ký kết, trút bỏ các điều khoản còn lại trong đó có việc tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất Việt Nam. Đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam dựng lên chính phủ bù nhìn Ngô Đình Diệm, thực hiện ý đồ thực dân mới biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự của chúng.

Từ tình hình ấy, tháng 9 năm 1954, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới là :

“Trong một thời gian nhất định, nhiệm vụ chung của Đảng ta là đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình, ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam, nhằm củng cố hòa bình thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc”.

Từ đây cả nước nói chung và Thanh Liêm nói riêng bước vào thời kỳ cách mạng mới, thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Vừa ra khỏi cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp đầy hy sinh gian khổ, đại bộ phận nhân dân đang tràn ngập niềm vui được sống trong hòa bình thì lại phải đương đầu ngay với những khó khăn thử thách mới :

Tình hình sản xuất nhiều mặt bị đình trệ; nạn đói diễn ra kéo dài và ngày càng trầm trọng; vùng đồng bào theo đạo Thiên chúa bị địch lung lạc

đang hoang mang lo lắng sợ bị mất đạo, sợ bị trả thù ; một số thôn, xóm địch chiếm đóng lâu ngày nên các đoàn thể chính trị, chính quyền cách mạng chưa được củng cố...

Thực hiện nhiệm vụ của Trung ương, của Tỉnh ủy, Đảng bộ Thanh Liêm căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của huyện đã đề ra những nhiệm vụ :

- Nhanh chóng ổn định tình hình chính trị - xã hội, tiếp quản vùng mới giải phóng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

- Giao cho lực lượng bộ đội, công binh, dân quân du kích tháo gỡ bom mìn, hàng rào dây thép gai của địch để lại.

- Tu bổ một số đê, kè, đường liên thôn, liên xã để giữ nước.

- Vận động cán bộ, đảng viên, nhân dân khai hoang phục hóa, sản xuất tự túc, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

Chủ trương của Huyện ủy được triển khai trong toàn Đảng bộ. Tất cả các cơ sở Đảng, chính quyền sau khi tiếp thu vùng mới giải phóng đã mở ngay nhiều lớp học ngắn ngày cho cán bộ, đảng viên để nâng cao nhận thức về tình hình nhiệm vụ cách mạng mới. Mở đợt tuyên truyền, giáo dục

sâu rộng trong nhân dân về các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước : đoàn kết lương giáo, tự do tín ngưỡng, chính sách khoan hồng... Nhờ vậy nhân dân được giác ngộ, số quân chúng đang hoang mang lo lắng dần dần yên tâm trở lại. Nhiều gia đình có người thân còn trong hàng ngũ địch đã đi tìm và gọi họ trở về đoàn tụ. Một số ngụy quân ra trình diện chính quyền, hứa tự cải tạo để chuộc tội với dân, với cách mạng. Trong nội bộ nhân dân không còn hiện tượng phân biệt đối xử giữa những người tham gia kháng chiến và người trước kia là ngụy quân, ngụy quyền.

Chính quyền, các đoàn thể chính trị như thanh niên, phụ nữ..., sau khi được khôi phục, củng cố đã đi vào hoạt động cùng với nhân dân giúp đỡ người hồi cư dựng lại nhà cửa, giúp nhau giống vốn để sản xuất...

Việc cứu đói lúc này hết sức cần kíp, nhiều gia đình đã bị đứt bữa phải ăn độn lót kéo dài, thậm chí ăn cháo cám, cháo rau má, rau lang, củ chuối v.v... Đời sống của nhân dân gặp khó khăn vào bậc nhất tỉnh, qua tổng hợp tình hình quần chúng, Tỉnh ủy Hà Nam nhận định :

“Thanh Liêm là một trong hai huyện có nhiều người đói nhất” ⁽¹⁾.

(1) Sự kiện lịch sử Đảng bộ Nam Hà.

Kết hợp nhiều biện pháp, tổ chức nhân dân trồng các loại cây màu ngắn ngày, vận động nhân dân tương trợ giúp đỡ lẫn nhau với tinh thần tương thân, tương ái “lá lành đùm lá rách”, nhà có bớt bữa cho nhà khó vay... Nhờ có phong trào sản xuất tự túc tự cấp, sự giúp đỡ trong nội bộ nhân dân, được chính quyền tỉnh, huyện trích quỹ lương thực cứu tế cho nhân dân hàng chục nghìn tấn gạo nên không một ai bị chết vì đói. Thực hiện biện pháp giải quyết tình thế nên nạn đói đã được đẩy lùi nhưng về lâu dài và cơ bản phải khôi phục và phát triển sản xuất. Sản xuất nói chung và nông nghiệp nói riêng thời gian này gặp không ít khó khăn, nông nghiệp hoàn toàn dựa vào điều kiện tự nhiên. Hơn nữa trong thời gian chiếm đóng, thực dân Pháp thực hiện chính sách “tam quang” lập “vành đai trắng” quanh đồn bốt và ven quốc lộ 1, 21... nên toàn huyện bị hỏ hoang hóa tới 890 mẫu 4 sào. Mìn, dây thép gai chúng để lại, hố bom, đạn pháo, xe lội nước cày xới đồng ruộng thành thùng vũng, gò đồng, hào rãnh, muốn sản xuất được phải tháo gỡ, san lấp mới trồng cấy được.

Hưởng ứng cuộc vận động của cấp trên phù hợp với quyền lợi, nguyện vọng của nhân dân nên lực lượng quân sự không ngại gian khổ hy sinh đã tháo gỡ hết bom mìn, giải phóng mặt bằng cho

nhân dân sản xuất an toàn. Nông dân chung nhau vay tiền ngân hàng tậu thêm hàng ngàn con trâu bò bổ sung sức kéo, góp tiền sắm thêm dụng cụ làm đất phát cỏ v.v..., tổ chức phá hoang tập đoàn. Nhân dân hăng hái đi dân công hàn khẩu đê Đáy, bồi trúc kè Động Xuyên, coi cao con trạch Đoan Vỹ, quai Phạm, đê Đầm, đắp đường liên thôn, liên xã để giữ nước : đường Thanh Lưu đi phố Bói, đường Đại Vượng đi Kim Lũ, đường Vĩ Khách đi Đồng Vọng, đường Dục đi Bình Lục...

Nhờ công cuộc khai hoang phục hóa, bước đầu làm giao thông thủy lợi, khắc phục thiên tai nên các năm 1955 - 1956 nông dân đã cấy trồng hết diện tích, đặc biệt năm 1957 được cả hai vụ chiêm mùa.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, sản xuất thủ công : nung vôi, chạm khắc đá (Kiện Khê), làm đồ sành, đồi mồi (thôn Non), thêu, ren (Thanh Hà), gạch Gừa - Liêm Thuận, Lác - Thanh Hương... cũng được phục hồi, từng bước đi vào ổn định.

Như vậy đến năm 1957 việc phục hồi sản xuất đã căn bản hoàn thành, do đó đời sống kinh tế của nhân dân Thanh Liêm đã có bước tiến mới.

Song song với công tác sản xuất, cứu đói, Huyện ủy tập trung tổ chức để Đảng bộ và nhân dân

quán triệt Chỉ thị 91 của Trung ương, Chỉ thị của Khu ủy III, thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy Hà Nam về chống phá âm mưu cưỡng ép nhân dân di cư vào Nam của địch. Căn cứ vào thực trạng tình hình của huyện ; Huyện ủy họp triển khai, giao nhiệm vụ cho Chi ủy, chính quyền các xã phải vận động, tổ chức nhân dân đấu tranh phá tan âm mưu thủ đoạn giành dân của Mỹ Diệm. Do đặc thù của huyện 19/23 xã có giáo dân, trước đây có trung tâm truyền giáo của Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, nhiều xứ đạo toàn tòng phân bố hầu hết địa bàn trong huyện. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp ; bọn ngoại xâm cấu kết chặt chẽ với địa chủ cường hào, bọn đội lốt tôn giáo lập đồn bốt, biến nhà thờ thành những cứ điểm chống phá kháng chiến, số tề ngụy rã ngũ chưa được cải tạo không nhỏ. Trong khi thực hiện mưu đồ đen tối, chúng lợi dụng niềm tin tôn giáo, lợi dụng thần quyền dung dọ chiến tranh hủy diệt... tập trung vào đồng bào Thiên chúa giáo để dụ dỗ, cưỡng ép nhân dân di cư vào Nam.

Cuối năm 1954, đầu năm 1955 nhiều nơi trong huyện rộ lên cùng một luận điệu xuyên tạc chống lại đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, chúng gây hiểm nghi trong nội bộ giáo dân. Tại thôn Tân (Thanh Hương) một chức sắc nhà thờ rao giảng trước giáo dân :

“Chiến tranh thế giới thứ III nhất định có, chắc sống đâu mà võ hoang”.

Tại thôn Non (Thanh Lưu) dịch tuyên truyền :
“Kẻ lành hiện nay vào Nam cả, ngoài Bắc chỉ còn toàn kẻ dữ”. Tại Liêm Phong, Liêm Tiết, Liêm Khiết, Liêm Tuyên, Thanh Châu, xứ đạo Kiện Khê chúng đều tung tin :

“Mỹ sẽ ném bom nguyên tử hủy diệt miền Bắc, ở nhà rồi thì mất đạo, chết không có linh hồn”.

Chúng phá ta quyết liệt, la ó khi cán bộ tỉnh về nói chuyện đến đe dọa, hành hung. Song do nắm bắt được âm mưu của địch, được Tỉnh tăng cường cán bộ, bộ đội, Huyện ủy có kế hoạch biện pháp cụ thể từ thành lập các tổ công tác về cơ sở, tăng cường lực lượng an ninh về trọng điểm Kiện Khê, Thanh Tuyên phối hợp với cơ sở, đến tuyên truyền vận động nhân dân, dựa vào quần chúng cách mạng. Được quần chúng giúp đỡ, nhiều tên phản động, tay sai nguy hiểm đã bị các cơ quan pháp luật vạch mặt trước đông đảo nhân dân trong các buổi học tập, mặt khác chính quyền tiếp tục gọi những tên phản động đầu sỏ ngoan cố lên xã giáo dục hoặc cho đi tập trung cải tạo.

Nhiều cuộc mít tinh được tổ chức ở một số địa điểm trong huyện : Khê Lô, Bích Trì, Non, Tâng,

Kiện Khê... để lên án bọn chủ mưu, nhiều bản kiến nghị ghi hàng nghìn chữ ký của dân gửi lên Chính phủ ta phản đối đế quốc Mỹ và bọn tay sai.

Cũng trong thời gian này, huyện và xã còn lập nhiều trạm đón tiếp dân, đón tiếp tổ Quốc tế (trong Ủy ban Quốc tế) về giám sát việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. Huyện thành lập trạm tại xóm Hộ xã Thanh Tuyên có “Nhà đương cục” (đại diện chính quyền thay mặt dân) tiếp tổ Quốc tế. Họ về thị sát thực tế trong đó có điều 14 d về tự do đi lại và cư trú. Họ gặp dân, dân phản ánh đúng sự thật :

“Ở đây tự do đi lại, cư trú, không ai cấm đoán”, vị sư chùa Châu (xã Thanh Lâm) khi được hỏi cũng trả lời :

“Ở đây tự do, còn việc khác, tôi là nhà tu hành nên không quan tâm”.

Tổ quốc tế còn nhận nhiều bản kiến nghị có chữ ký của dân phản đối đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Cuộc đấu tranh chống địch cưỡng ép di cư của quân và dân Thanh Liêm dần dần thắng lợi. Tuy nhiên kẻ thù chưa từ bỏ âm mưu, đêm khuya chúng vẫn lén lút ngấm ngầm dụ, dọa đồng bào. Chúng

ta phát hiện được kẻ cầm đầu nhưng do điều kiện chính trị chưa cho phép nên đến năm 1960 có chỉ thị của cấp trên đã đưa chúng đi cải tạo.

Do Đảng bộ nắm vững chủ trương của cấp trên, phát động được toàn dân tham gia vào cuộc đấu tranh, cán bộ, đảng viên biết dựa vào quần chúng cách mạng nên cuộc đấu tranh dù có gay go quyết liệt, cuối cùng đã căn bản thắng lợi. Hàng trăm hộ dân trong huyện và cả tỉnh ngoài, huyện ngoài đã yên tâm ở lại hay vui vẻ trở về quê hương.

Tính đến cuối tháng 8 năm 1955 huyện Thanh Liêm chỉ có 3.683 khẩu di cư vào Nam. Số khẩu ra đi có một số nhỏ vì nhẹ dạ cả tin còn phần đông là nguy quyền, nguy quân, địa chủ, phản động trốn tránh tội lỗi, tiếp tục con đường lầm lạc. Riêng số tề nguy ở lại địa phương, được cách mạng và nhân dân giúp đỡ, họ tự cải tạo, đa số không còn mặc cảm vì lỗi lầm nên đã yên tâm lao động với gia đình, vui hưởng hòa bình cùng nhân dân làng xóm. Càng ngày họ càng thấu hiểu chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước không bao giờ trả thù những người biết hoàn lương, hối cải hòa nhập vào cộng đồng.

Hưởng ứng cuộc vận động “Yêu nước, chống Mỹ” của Tỉnh ủy Hà Nam phát động, các cấp ủy tổ

chức nhiều cuộc mít tinh lên án đế quốc Mỹ và tay sai. Biến căm thù thành hành động cách mạng, nhân dân tập trung vào trồng cây vụ chiêm xuân, làm giao thông, đắp đường giữ nước, riêng xã Thanh Châu đắp mới được 300 mét đường khuyến nông đồng thời cùng nhân dân toàn huyện đón tiếp cán bộ, thương binh miền Nam ra tập kết, bố trí nơi an dưỡng chăm sóc ân cần như những người ruột thịt. Để luôn luôn đáp ứng yêu cầu bảo vệ quê hương, bảo vệ chế độ, các cấp ủy Đảng không ngừng củng cố lực lượng vũ trang. Từ cuối 1954 đến 1957 được Huyện ủy giao trách nhiệm cho Huyện đội và các xã đội tiến hành tổng kết thành tích quân sự kháng chiến 9 năm, đồng thời bổ sung lực lượng dân quân về quân số. Đặc biệt Đảng bộ tăng cường cấp ủy, đảng viên trực tiếp phụ trách từ tiểu đội trở lên. Do vậy tất cả các xã đều có từ 100 đến 250 chiến sỹ. Nhiều thôn xóm tổ chức tổ tuần tra ban đêm giữ gìn bình yên cho làng xóm. Cùng phối hợp với lực lượng an ninh góp phần hoàn thành an toàn thắng lợi đợt đổi tiền Đông Dương sang tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của huyện.

Các mặt hoạt động y tế, văn hóa, giáo dục cũng được Đảng bộ luôn luôn quan tâm. Ngay từ đầu

giải phóng để chữa trị và phòng bệnh cho nhân dân, ngành y tế của huyện được giao chữa bệnh do chiến tranh để lại và do đói rét phát sinh. Toàn dân đã thực hiện phong trào : “Ăn chín uống sôi” ; “Phòng bệnh hơn chữa bệnh” do đó đã hạn chế được nhiều bệnh thông thường, bệnh hay lây lan không phát ra thành dịch. Sức khỏe của nhân dân được chăm sóc. Công tác thông tin, bưu chính có nhiều cố gắng phục vụ nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Làng xóm nào cũng có chòi phát thanh đưa tiếng nói của Đảng đến với nhân dân.

Ngành giáo dục được giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch của Tỉnh diệt dốt trong 3 năm (1956 - 1958) đã tổ chức nhiều hình thức lớp học “Bình dân học vụ” phù hợp với thời gian, điều kiện học tập của nhân dân như học buổi trưa, buổi tối, vận động người biết chữ dạy người chưa biết... huyện Thanh Liêm được Tỉnh công nhận hoàn thành xóa nạn mù chữ trước 55 ngày.

Đến năm 1955 xã nào cũng có trường cấp I, huyện mở một trường cấp II tại xã Thanh Tâm, bước đầu thỏa mãn việc học tập cho con em nhân dân.

Như vậy chỉ trong vòng 3 năm, dưới sự trực tiếp lãnh đạo của Đảng bộ, nhu cầu về sản xuất, ăn ở,

học hành của nhân dân đã từng bước được đáp ứng, tính ưu việt của chế độ dân chủ nhân dân ngày càng được khẳng định.

Nhằm xóa bỏ chế độ bóc lột, Đảng quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô, tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Từ ngày 04 tháng 2 năm 1955 nhân dân 24 xã trong huyện đón đội giảm tô về công tác, dưới sự hướng dẫn của đoàn cán bộ cấp trên cử về, giai cấp nông dân Thanh Liêm đấu tranh với giai cấp địa chủ buộc họ phải triệt để giảm tô theo sắc lệnh của Nhà nước ban hành ngày 12 tháng 4 năm 1953. Giai cấp địa chủ ở Thanh Liêm đã bộc lộ sự xảo quyệt và ngoan cố, ngay từ năm 1949 khi Nhà nước ban hành sắc lệnh giảm tô, không ít địa chủ tìm mọi cách phân tán ruộng đất, dây dưa khất giảm tô, hay chỉ giảm tô một phần cho tá điền. Từ năm 1949 đến 1955 chúng phân tán 2.460 mẫu 1 sào ruộng vào gia đình con cháu họ hàng của họ. Tuy nhiên với sức mạnh đấu tranh của giai cấp nông dân buộc giai cấp địa chủ phải giảm tô xuống còn 25%. Hàng trăm tấn thóc địa chủ phải thoái tô, giảm tô được trả cho tá điền và xung quỹ cứu đói cho dân nghèo. Sau 4 tháng (từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1955), các đội công tác giảm tô đã hoàn thành nhiệm vụ.

ĐC: 286
TỔ: VI
TỈNH: HÀ NAM

Sau khi đội giảm tô rút, đến ngày 8 tháng 7 năm 1955 đội công tác cải cách về làm điểm ở hai xã Thanh Hà và Thanh Tuyên, sau đó các đội khác lần lượt về những xã còn lại trong huyện.

Giai cấp địa chủ ở Thanh Liêm có những tập đoàn cực kỳ phản động cha truyền con nối cấu kết với đế quốc nhiều đời chống phá phong trào yêu nước, phong trào cách mạng của nhân dân trong huyện. Phạm Quang Diệu - Bang Diệu (thôn Tâng xã Thanh Hương) 4 đời hợp tác với thực dân Pháp đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa của Đinh Công Tráng, chỉ đường vạch lối cho thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình. Diệu và con cháu giàu lên nhanh chóng bằng chính mồ hôi, xương máu của nhân dân. Được chính quyền thực dân phong chức vị “Tham tán đại thần kiêm ngũ tể” cho làm quan tại gia, thưởng cho huân chương “Bắc đẩu bội tinh”, có dinh cơ đồ sộ, có súng ống canh giữ. Địa chủ kiêm tư sản Chu Văn Luận cướp ruộng đất làm đồn điền vừa bóc lột địa tô, vừa bóc lột sức lao động của giai cấp công nhân. Địa chủ nhà Chung dựa vào thần quyền, giáo lý cướp không hàng nghìn mẫu ruộng của nông dân. Trong khi 718 hộ cố nông trong huyện không một “tấc đất cắm dùi” thân phận của nhiều bản cố nông hoàn toàn lệ thuộc vào giai cấp địa

chủ. Bị thiệt thòi về kinh tế, thấp kém về địa vị chính trị đã bao đời nên nông dân nhiệt liệt hưởng ứng đường lối chính sách cải cách ruộng đất của Đảng và Nhà nước.

Đội về thực hiện chủ trương của Đảng : “Dựa hẳn vào bản, cố nông, đoàn kết với trung nông, liên hiệp với phú nông, đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ”.

Xóm làng bừng lên khí thế mới chuẩn bị vào cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt. Từng bước nông dân được học tập chính sách và được đội thăm nghèo, hỏi khổ, bắt rế, xâu chuỗi, tố khổ, phân định thành phần nông dân và địa chủ. Đội lập tòa án đấu tố địa chủ cường hào gian ác đầu sỏ rồi tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất, tài sản của địa chủ chia cho nông dân, chỉnh đốn tổ chức chính quyền thôn xã. Đội quân hùng hậu của nông dân có sức mạnh “long trời lở đất” nô nức gia nhập nông hội. Dựa vào đội cải cách, nông hội nắm toàn bộ quyền lực chính trị ở xã. Nhiều bản cố nông được đội dựa “3 cùng” bồi dưỡng thành khổ chủ điển hình, “cốt cán”. Xã nào cũng đấu tố địa chủ. Không địa chủ nào dám ngoan cố, đầu cúi đầu nhận tội trước nông dân.

Cuộc đấu tranh xóa bỏ giai cấp bóc lột diễn ra không phải chỉ có thuận lợi mà giai cấp địa chủ

luôn luôn ngấm ngâm xuyên tạc chính sách đến phân tán tài sản, đe dọa hành hung nông dân, dùng thần quyền giáo lý ngăn trở phá hoại thành quả của cải cách ruộng đất. Một số địa chủ bỏ trốn định thoát khỏi cuộc đấu tranh của nông dân. Mọi âm mưu và hành động của chúng đều bị ngăn chặn kịp thời.

Cải cách ruộng đất ở Thanh Liêm đã cơ bản kết thúc vào đầu năm 1956. Cách mạng đã chia trên 5 ngàn mẫu ruộng, hàng trăm con trâu bò, hàng ngàn gian nhà và nhiều công cụ lao động, quả thực khác cho nông dân. Giờ phút cảm động nhất là lúc nông dân cầm thẻ nhận ruộng, nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất.

Trong thực hiện cải cách ruộng đất ở Thanh Liêm phạm một số sai lầm như định mức quy 5% hộ địa chủ ở cơ sở, đấu tố tràn lan, thiếu phân biệt đối xử với địa chủ đã tham gia kháng chiến, quy chụp một số cán bộ, đảng viên thành phản động, Quốc dân đảng. Nặng nề nhất là vô hiệu hóa chức năng lãnh đạo của chi bộ đã có từ trước cải cách, thậm chí giải tán nhiều chi bộ xã, làm lu mờ vai trò của cấp ủy huyện.

Sở dĩ mắc sai lầm là do công tác tổ chức thực hiện, cán bộ đội cải cách vận dụng chủ trương,

chính sách, hướng dẫn của cấp trên có việc, có nơi còn máy móc, phiến diện, tả khuynh, quan liêu, mệnh lệnh “nhất đội nhì trời” cố tìm quy cho bằng đủ 5% hộ địa chủ. Một vấn đề khác là thiếu tranh thủ sự giúp đỡ của cán bộ, đảng viên ở địa phương đã từng được rèn luyện, gắn bó với dân, đã cống hiến cho cách mạng. Quan trọng nhất dẫn đến sai lầm là xa rời cấp ủy, xa rời chức năng tổ chức thực hiện của chi bộ cơ sở nên làm hạn chế kết quả cải cách ruộng đất ở từng xã và huyện Thanh Liêm nói chung. Sai lầm ở cơ sở đã được Trung ương phát hiện và kịp thời uốn nắn sửa chữa nhằm đảm bảo thắng lợi cách mạng cải cách ruộng đất.

Tháng 4 năm 1956, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa II) ra Chỉ thị sửa chữa sai lầm. Tháng 9 năm 1956 Ban chấp hành Trung ương Đảng họp phân tích đánh giá thắng lợi to lớn mang tính chiến lược của cải cách ruộng đất, đồng thời chỉ ra sai lầm khuyết điểm trong khi tổ chức thực hiện, từ đó đề ra chủ trương và các biện pháp tiếp tục hướng dẫn cơ sở sửa sai.

Ngày 18 tháng 8 năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào nông thôn, Người nói rõ :

... “Chúng ta cần phát huy những thắng lợi đã thu được, đồng thời chúng ta phải kiên quyết sửa chữa những sai lầm”...

Đảng bộ và nhân dân vui mừng đón nhận thư của Chủ tịch nước, đồng thời thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương.

Một số cán bộ huyện bị oan sai được Tỉnh ủy gặp mặt động viên tại Hội nghị tại xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên và trở về cơ sở tiếp tục công tác. Một số cán bộ huyện, cán bộ đầu ngành cơ sở xã về dự hội nghị tại thị xã Phủ Lý để nghe đồng chí Đỗ Mười - Ủy viên Trung ương Đảng (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam năm 1946) nói chuyện động viên, hướng dẫn học tập và giao nhiệm vụ về cơ sở sửa sai.

Công tác sửa sai ở Thanh Liêm được cấp ủy huyện chuẩn bị tiến hành và bắt đầu từ tháng 6 năm 1956.

Tiếp thu nhiệm vụ và kế hoạch của cấp trên giao, cấp ủy huyện đã họp mở rộng với cán bộ đầu ngành của huyện và các ban chi ủy xã triển khai học tập các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn thực hiện của Trung ương và Tỉnh ủy Hà Nam. Giao trách nhiệm cho cán bộ và cơ sở triển khai kế hoạch thực hiện của huyện.

Đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở trực tiếp làm công tác sửa sai được cấp ủy huyện đặc biệt quan tâm. Cử những đồng chí có lập trường tư tưởng cách mạng kiên định vững vàng. Các đồng chí cấp ủy chi bộ cơ sở bị mắc oan trong cải cách được động viên đứng ra trực tiếp sửa sai. Được cấp trên tăng cường cán bộ, các chi ủy tổ chức nhân dân học tập chính sách của Đảng và Nhà nước, nghe chi bộ báo cáo thành tích, quá trình gắn bó với nhân dân xã. Mặt khác mở đợt tuyên truyền thắng lợi của cải cách cả bề rộng và chiều sâu.

Công tác sửa sai được tiến hành thận trọng từng bước với phương châm “có sai mới sửa, không sai không sửa”, các chi bộ dựa vào các đồng chí trung kiên, dám gạt bỏ những thiệt thòi, thành kiến cá nhân, vì nhiệm vụ cách mạng, vì giai cấp nông dân nên tiếng nói và việc làm của các đồng chí đó có sức thuyết phục cao. Đa số quần chúng được học tập, giác ngộ nên càng tin yêu Đảng, ủng hộ đội công tác, chi bộ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên trong quá trình sửa sai, một số quần chúng vì thành kiến cá nhân nên gây ra mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Những mâu thuẫn đều tập trung vào quyền lợi kinh tế và đội ngũ “cốt cán” trong cải cách, cả 23 xã trong huyện đều xảy ra vụ việc lớn, nhỏ.

Lợi dụng cơ hội, một số phần tử bất mãn, địa chủ đã có âm mưu và hành động đòi nông dân trả lại tài sản được chia, nhằm phá hoại thành quả của cải cách ruộng đất. Các cấp ủy Đảng kịp thời có biện pháp hòa giải trong nội bộ nhân dân, giúp đỡ “cốt cán” thoát khỏi những hành động quá khích, giao cho chính quyền trực tiếp giải quyết những vụ xô xát và tranh chấp tài sản. Lực lượng an ninh nhân dân ngăn chặn hành động của một số địa chủ “ngóc đầu dậy”, gây bè kéo cánh làm rối loạn nông thôn. Do vậy trật tự xã hội đã được ổn định, công tác sửa sai tiếp tục đạt kết quả.

Ngày 06 tháng 01 năm 1957, Ban chấp hành Đảng bộ huyện họp mở rộng với cán bộ đầu ngành của huyện và cán bộ chủ chốt xã, sơ kết bước một, nhận kế hoạch bước hai. Hội nghị đã dân chủ bàn bạc rút ra những ưu khuyết điểm của bước một và bổ sung những việc cần giải quyết ngay, nêu những nhiệm vụ quan trọng của bước hai như: Xét hạ thành phần, điều chỉnh ruộng đất, củng cố đoàn kết nội bộ Đảng.

Đảng bộ huyện chỉ đạo các đội công tác, căn cứ vào các văn bản Thông tư số 1196/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1956 của Thủ tướng Chính phủ về

việc : "Giải thích và bổ sung một số điểm về chính sách phân định thành phần giai cấp ở nông thôn", Thông tư số 1197/TTg ngày 29 tháng 12 năm 1956 của Thủ tướng Chính phủ về việc đền bù tài sản trong việc sửa chữa sai lầm về cải cách ruộng đất làm hướng dẫn chung.

Đội công tác đã cùng cấp ủy và chi bộ Đảng cơ sở tiến hành triển khai công việc từng bước theo đúng chính sách của cấp trên đã ban hành. Ngày 08 tháng 11 năm 1957, Huyện ủy Thanh Liêm ra Nghị quyết số 07 về việc duyệt thành phần, đền bù tài sản, ruộng đất.

Việc sửa thành phần được xét thận trọng từ cơ sở và đã được Tỉnh duyệt. "Trong cải cách quy 427 hộ địa chủ, nay xuống còn 250 hộ. Nhiều phú nông được hạ thành phần xuống trung nông. Những hộ tham gia kháng chiến chưa đủ tiêu chuẩn là địa chủ được hạ thành phần và trả lại danh dự.

Tùy theo tình hình ruộng đất bình quân ở từng thôn để điều chỉnh, người được đền bù có ruộng đất, ruộng xa, ruộng gần như những bản cố nông khác. Nhà nước hỗ trợ thêm kinh phí và thương lượng trong nội bộ nhân dân nên nhà ở, trâu bò, các vật dụng khác được giải quyết ổn thỏa. Diện tích, sản lượng ruộng đất bị nâng kích lên trong

cải cách được chỉnh chuẩn lại như địa bạ ⁽¹⁾. Ruộng đất của các tôn giáo, dòng họ được giải quyết đúng chính sách của Nhà nước ban hành thấu tình, đạt lý.

Về nội bộ tổ chức Đảng giữa các đồng chí cũ và đồng chí được kết nạp trong cải cách đang gợn lên hiện tượng mất đoàn kết. Từ tình hình như vậy, cấp ủy huyện đã uốn nắn kịp thời để giữ vững truyền thống đoàn kết, đồng thời tiếp tục bồi dưỡng để nâng cao trình độ mọi mặt của đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng. Những đảng viên được kết nạp trong cải cách một số bỏ không sinh hoạt, một số mất uy tín với dân, xét thấy không còn tác dụng, chi bộ đã dân chủ bàn bạc để họ tự nguyện rút lui khỏi Đảng. Đa số đảng viên được phục hồi tiếp tục hăng hái công tác sẵn sàng đoàn kết với đồng chí được kết nạp đề bạt trong cải cách. Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của từng người để cấp ủy xếp sắp công tác hợp lý. Có đồng chí được đề bạt trong cải cách được Đảng bộ rèn luyện, bồi dưỡng dần dần trưởng thành trong công tác Đảng.

(1) Thống kê Văn phòng Đoàn ủy C.C Hà Nam : Diện tích trước cải cách toàn huyện 27.563 mẫu 7 sào, trong cải cách 34.514 mẫu 1 sào, tổng sản lượng từ 19.819 tấn 394 kg lên 26.426 tấn 141 kg.

Đến cuối năm 1957 công tác sửa sai hoàn thành, cải cách ruộng đất mới thực sự kết thúc.

Đảng ta dũng cảm tự phê bình trước nhân dân và có trách nhiệm cao trong sửa chữa sai lầm nên đã giữ vững được kết quả to lớn của cải cách ruộng đất ở miền Bắc và huyện Thanh Liêm nói riêng :

Đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ, một đối tượng chủ yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Vĩnh viễn xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, thực hiện “người cày có ruộng”. Hoàn toàn giải phóng nông dân khỏi ách phong kiến, đưa giai cấp nông dân lên địa vị làm chủ ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tăng cường củng cố khối liên minh công nông.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ Thanh Liêm lãnh đạo nhân dân hoàn thành công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh khôi phục kinh tế, thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất, hoàn thành kế hoạch 3 năm (1955 - 1957). Trong quá trình tổ chức thực hiện tuy còn khó khăn vấp vấp nhưng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Thanh Liêm đã vượt qua khó khăn thử thách giành được những thắng lợi rất đáng tự hào. Những thành quả đó là tiền đề và nguồn cổ vũ nhân

dân trong huyện bước vào thời kỳ mới tiếp tục xây dựng phát triển kinh tế - xã hội ngày càng đổi mới không ngừng.

II - THỰC HIỆN CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA (1958 — 1960) :

Thắng lợi của cải cách ruộng đất đã xóa bỏ vĩnh viễn quan hệ sản xuất phong kiến bóc lột...

Tuy nhiên nền kinh tế nông nghiệp của huyện vẫn là nền kinh tế tiểu nông, tự túc, tự cấp, phân tán nhỏ lẻ. Quan hệ sản xuất mới tiến bộ hơn chưa được hình thành. Thời kỳ năm 1958 - 1960 là thời kỳ thực hiện kế hoạch Nhà nước 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa. Để mở đường cho sức sản xuất tiếp tục phát triển tốt phải cải tạo để xây dựng quan hệ sản xuất mới.

Trung ương Đảng ra Nghị quyết 14 (tháng 11 năm 1958) đã xác định :

“Nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nhân dân, thợ thủ công và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh”.

Xuất phát từ đặc điểm nền kinh tế thuần nông của huyện, Đảng bộ huyện đã xác định nhiệm vụ trung tâm trong ba năm là đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp đồng thời cải tạo thợ thủ công và thương nhân để xây dựng quan hệ sản xuất mới - quan hệ sản xuất xã hội - xã hội chủ nghĩa.

Để từng bước đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, Đảng bộ đã chỉ đạo cho cơ sở tổ chức tổ đổi công từ hình thức đổi công vụ việc đến đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Bước tập dượt này không chỉ để nông dân làm quen dần từ làm ăn cá thể tiến tới làm ăn tập thể mà còn chuẩn bị tiến tới hợp tác hóa nông nghiệp. Phong trào đổi công được tổ chức từ kế hoạch ba năm trước song có thời gian tạm lắng xuống (trong thời gian cải cách và đầu sửa sai). Rút kinh nghiệm và bổ khuyết cho phong trào, Ban chấp hành Đảng bộ huyện họp từ chiều ngày 5 đến ngày 7 tháng 5 năm 1958 để kiểm điểm những công tác chính, trong đó có công tác xây dựng tổ đổi công.

Hội nghị đã quyết nghị ba nhiệm vụ về công tác này :

1. Phát động đợt tuyên truyền vận động cho thật rầm rộ.

2. Tổ chức một cuộc đại hội liên hoan tổ đổi công.

3. Tranh thủ thời gian mở lớp huấn luyện cho cốt cán trước thu chiêm làm mùa.

Thực hiện nhiệm vụ cấp ủy đề ra, tất cả các ngành giới từ huyện đến xã mở đợt tuyên truyền về lợi ích tổ đổi công. Đợt tuyên truyền được phát động cả bề rộng và chiều sâu : khẩu hiệu được trưng ở nhiều nơi, phát thanh liên tục, đưa vào nội dung học tập ở các lớp bình dân và phổ thông để tuyên truyền. Huyện mở hội nghị liên hoan để sơ kết phong trào, rút kinh nghiệm xã Thanh Phong và Liêm Cần có tỷ lệ hộ tham gia đông đạt từ 80 - 85%, đồng thời nêu thành tích của những tập đoàn nông dân hỗ trợ nhau trong sản xuất khắc phục thiên tai có kết quả. Từ đó huấn luyện cho các đội trưởng, đội phó phương pháp vận động quần chúng với yêu cầu đến cuối năm 1958 toàn huyện phải đạt 90% số hộ nông dân vào tổ đổi công.

Cũng trong hội nghị Huyện ủy (5-1958) quyết định vừa phát triển đổi công vừa làm điểm hợp tác xã nông nghiệp.

Ban chấp hành Đảng bộ huyện quyết định làm thí điểm hai hợp tác xã ở hai vùng khác nhau :

vùng chiêm trũng và vùng màu mùa để rút kinh nghiệm chỉ đạo phong trào chung. Thôn Đồng Phú xã Thanh Hương và thôn Bào Cừ xã Thanh Châu được chọn làm điểm.

Trước hết làm thí điểm hợp tác xã vùng chiêm trũng. Thôn Đồng Phú nằm trong diện “chiêm khè mùa thối”, năng suất thấp chỉ 40 đến 50kg thóc một sào, đời sống nhân dân hàng năm nhiều hộ bị thiếu đói. Điểm thuận lợi cơ bản là tổ Đảng đoàn kết nhất trí cao, gương mẫu trước quần chúng, đến giữa năm 1958 đổi công đã đi vào bình công chấm điểm.

Thực hiện kế hoạch, Huyện ủy cử một huyện ủy viên - Bí thư nông hội huyện trực tiếp về chỉ đạo phong trào. Sau gần 4 tháng cùng cơ sở công tác, hợp tác xã Đồng Phú đã được thành lập, đồng chí Hoàng Văn Sự được bầu làm chủ nhiệm, đồng chí Thiệu Quang Khả làm phó chủ nhiệm.

Được cán bộ huyện trực tiếp chỉ đạo, đảng viên, xã viên cùng với ban chủ nhiệm tích cực, cần cù lao động bước đầu đi vào thâm canh nên vụ chiêm 1959 chân ruộng xấu, xa, đạt 40 kg, chân ruộng tốt đạt 85 kg/sào, tăng gần 20% so với vụ chiêm năm 1957, cả 17 hộ xã viên đều có mức thu nhập cao hơn ngoài riêng lẻ. Do đó đã có sức thuyết

phục nông dân tự nguyện viết đơn xin gia nhập ngày càng đông hơn.

Cấp ủy huyện tổ chức rút kinh nghiệm tại chỗ, sau hội nghị của huyện, các bí thư chi bộ xã về cơ sở họp cấp ủy và chi bộ bàn bạc, lập kế hoạch, trước hết với quy mô hợp tác xã từng xóm hay từng thôn.

Vùng màu mùa cũng rút kinh nghiệm của hợp tác xã Bào Cừ để vận động nông dân cho phù hợp với cơ sở. Từ thực tiễn vận động xây dựng hai hợp tác xã làm điểm, cấp ủy huyện chỉ đạo cho các cơ sở tiếp tục vận động giáo dục nông dân thấm nhuần mục đích và lợi ích kinh tế của lối làm ăn tập thể với hình thức hợp tác xã. Hai hợp tác xã điểm bước đầu đã chứng minh tính hơn hẳn, đặc biệt là lợi ích kinh tế có tác dụng kích thích và động viên nông dân thông suốt tư tưởng nên ngày càng nhiều hộ cá thể xin gia nhập hợp tác xã. Một kinh nghiệm từ Đồng Phú cả 8 đảng viên của tổ Đảng và gia đình gia nhập ngay từ đợt đầu nên quần chúng đã theo gương.

Từ giữa năm 1959 và năm 1960 là thời kỳ cao trào hợp tác xã nông nghiệp của huyện cả về quy mô và tốc độ đều nhanh, mạnh. Năm 1959, toàn huyện đã có 39% với 6.207 hộ nông dân vào 151 hợp tác xã. Bước đầu phong trào đạt được

thắng lợi, tháng 5 năm 1960, Đảng bộ mở Đại hội đại biểu tổng kết nhiệm kỳ (cuối 1958 - 3-1960). Đại hội đánh giá phong trào hợp tác hóa nông nghiệp toàn huyện phát triển “tương đối nhanh đang đi vào bề sâu” và đã trở thành phong trào quần chúng. Hầu hết các xã đã hoàn thành xây dựng thí điểm hợp tác xã cấp thấp và đang được mở rộng. Riêng xã Thanh Nguyên đã căn bản hoàn thành hợp tác xã cấp thấp và đang chuyển lên cấp cao ⁽¹⁾.

Đại hội cũng thống nhất những mặt còn yếu như giáo dục chính trị chưa sâu, công tác quản lý nhiều nơi còn lúng túng, nhất là quản lý tài vụ ⁽²⁾...

Đại hội đề ra 8 nhiệm vụ trong đó có nhiệm vụ :

- Tích cực xây dựng và củng cố phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa, căn bản hoàn thành hợp tác xã cấp thấp.

- Ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp, chú trọng cả lúa và hoa màu.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục.

- Tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao tư tưởng xã hội chủ nghĩa và lòng yêu nước.

(1) Báo cáo chính trị Đại hội 3-1960 - trang 2.

(2) Văn kiện đã dẫn - trang 3.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ Đại hội đề ra, Đảng bộ tập trung vào công tác giáo dục tư tưởng, phát động quần chúng tranh luận ai hơn ai giữa hai con đường riêng lẻ và tập thể, tính hơn hẳn của hợp tác xã trên cơ sở đó mà khắc phục tình trạng “chân trong chân ngoài” luyến tiếc con đường riêng lẻ, giảm dần tình trạng xin ra hợp tác xã.

Kết hợp công tác giáo dục chính trị với lợi ích kinh tế thiết thực để vận động nông dân xã viên. Rút kinh nghiệm từ các đợt vận động trước chưa xuất phát từ ba nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi, phong trào thiên về mục đích chính trị mà xem nhẹ bản chất kinh tế của hợp tác xã. Từ đó các cấp ủy chỉ đạo phong trào phải xuất phát từ nguyên tắc và bản chất kinh tế kết hợp với phát huy lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Kết quả đạt được đáng phấn khởi tự hào : đợt kết nạp xã viên mùa thu năm 1960 gần bằng số xã viên trong hơn hai năm phát triển, đến hết năm 1960 đã có 14.388 hộ vào hợp tác xã đạt 84% tổng số hộ nông dân toàn huyện. Trong đó năm 1959 mới có 19% hộ giáo dân đến hết năm 1960 đạt 69% gồm 1.254 hộ xã viên là giáo dân ⁽¹⁾. Hợp tác xã đã quản lý 73,6% ruộng đất trên 75% số

(1) Báo cáo số 02/BC-HU 1960 - trang 2.

trâu bò. Về tổng thể đến cuối năm 1960, huyện Thanh Liêm căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp.

Song song với xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và vay mượn ⁽¹⁾ cũng được chú trọng phát triển. Nhiều xã đã căn bản hoàn thành “ba ngọn cờ hồng” ⁽²⁾ như Liêm Chính, Liêm Tuyên, Thanh Hương, Thanh Phong... Đến hết năm 1960 hợp tác xã mua bán đã có 15.022 hộ với 15.418 cổ phần đạt 86,8% kế hoạch đề ra, 13 xã đã có cửa hàng mua bán. Hợp tác xã vay mượn có 11.305 xã viên đạt 65,3% kế hoạch. Hai loại hình hợp tác xã này đã thực hiện nhiệm vụ trung tâm nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp như cung cấp nông cụ cày bừa, phân bón, cho xã viên vay tiền để phát triển sản xuất.

Cùng với phát triển hợp tác xã nông nghiệp, toàn huyện tiến hành cải tạo thành phần kinh tế cá thể của thợ thủ công, đưa 87,3% số hộ, 270 lao động vào 10 cơ sở hợp tác xã.

Những người buôn bán nhỏ được giáo dục và giúp đỡ từng bước đi vào con đường làm ăn tập thể, một số lớn được chuyển sang sản xuất. Toàn

(1) Sau này là hợp tác xã tín dụng.

(2) 3 loại hình HTX : Nông nghiệp, mua bán, tín dụng.

huyện có 713 người làm nghề buôn bán vào 17 tổ mua chung, bán chung, 26 tổ mua chung bán riêng, 333 người về sản xuất nông nghiệp, 10 người sang sản xuất thủ công nghiệp, 12 người chuyển thành mậu dịch viên. Công tác cải tạo tiểu thương đã góp phần tích cực mở rộng và củng cố mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa góp phần vào quản lý và ổn định thị trường xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

Nghe theo lời kêu gọi của Đảng, nông dân, thợ thủ công, thương nhân huyện ta đã từ bỏ lối làm ăn cá thể, hăng hái mau chóng đi vào con đường hợp tác xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Song trong quá trình cải tạo, chúng ta cũng mắc một số sai lầm chung : nóng vội, đã đồng nhất cải tạo với xóa bỏ các thành phần kinh tế khác và xóa bỏ nhanh chóng dứt điểm theo kiểu chiến dịch; không thực hiện đầy đủ các nguyên tắc xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ nên không phát huy đầy đủ tính chủ động sáng tạo của quần chúng, không tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển năng động của nền kinh tế - xã hội.

Trong công tác quản lý thị trường có nơi, có lúc còn phạm quy luật kinh tế về lưu thông hàng

hóa dẫn đến hiện tượng “cắm chọt ngăn sông” ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển sản xuất và đời sống của người lao động.

Tuy nhiên thông qua hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo các thành phần kinh tế cá thể đồng thời ra sức phát triển kinh tế quốc doanh nên nền kinh tế huyện Thanh Liêm từ chỗ bao gồm nhiều thành phần đã trở thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với hai hình thức : sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Đặc biệt nền kinh tế tập thể đã đóng góp tích cực vào nhiệm vụ chi viện sức người, sức của trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng.

Tổng kết thực hiện kế hoạch cải tạo quan hệ sản xuất (1958 - 1960) Huyện ủy Thanh Liêm kết luận :

“Tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp đã giành được những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử, có tác dụng quyết định, đặc biệt là thắng lợi của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp là một vấn đề khó khăn nhất trong cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, mở đường cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế” (1).

(1) Báo cáo công tác của Huyện ủy năm 1960 - trang 3.

Thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng quan hệ sản xuất là nhân tố cơ bản để Đảng bộ tiến hành nhiệm vụ bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa. Vốn là kinh tế thuần nông nhưng sản xuất nông nghiệp gặp không ít khó khăn, khó khăn nhất vẫn do khách quan đem lại. Thời tiết thất thường có khi cập nhật : tối hạn, sáng úng. Vụ chiêm năm 1958 hạn kéo dài sang đầu vụ mùa, đến tháng 8, huyện vẫn còn 1.014 mẫu thiếu nước cấy, 744 mẫu cấy rồi bị khô cạn. Đông xuân năm 1959 - 1960 bị hạn hàng vạn mẫu nơi đồng cao phải tát 6 bậc, nước mới lên được ruộng. Khu vực đồng chiêm cũng bị thiếu nước cày cấy.

Khí hậu, thời tiết thất thường ngoài ý muốn chủ quan của con người nhưng cũng không phải “bất khả kháng”. Song trong 3 năm khôi phục (1955 - 1957) sự nỗ lực chủ quan của con người nhằm hạn chế thiên tai mới chỉ dừng ở biện pháp tình thế. Hạn hán, sương muối, gió bắc, nhiệt độ hạ thấp làm chết mạ, khó khăn làm đất, nguy cơ trở thời vụ không mấy năm không diễn ra. Huyện Thanh Liêm vẫn trong tình trạng “6 tháng đi chân, 6 tháng đi tay”, về mùa mưa xóm làng vùng đồng chiêm nổi lên trên mặt nước như những đảo nhỏ. Những con đường lớn trong huyện từ Thanh Châu đến Khoái Quán, đường Cầu Nga ra

phố Bói, đường phố Cà đi Thanh Tâm, nhiều đoạn thuyền có thể đi trên mặt đường. Chống úng mới chỉ dừng ở dụng cụ lao động thủ công.

Trong khi toàn huyện mới chỉ có hơn 700 mẫu mùa chính vụ. Vụ chiêm tuy chiếm đại bộ phận ruộng đất nhưng năng suất còn quá thấp phải tăng vụ bằng biện pháp “cấy cưỡng” vụ mùa, nhằm tự túc, tự cấp lương thực cho nhân dân. Hơn nữa không chỉ dừng ở mức sống tối thiểu vì vậy phải chủ động đầu tư nhiều mặt và từng bước để phát triển nông nghiệp. Trước mắt, Đảng bộ chủ động đề ra những biện pháp nhằm khắc phục đến mức thấp nhất do thiên tai gây ra. Tìm và khơi nguồn, tận dụng nước chống hạn, giúp nông dân, xã viên lo đủ giống, dự phòng mạ, vận động nhân dân làm thủy lợi tiếp tục cấy trồng, cử cán bộ huyện về giúp đỡ cơ sở, hoãn các cuộc họp chưa cần kíp để tập trung cho sản xuất...

Đáp ứng được nguyện vọng của nông dân - xã viên, Đảng bộ có biện pháp thích hợp kịp thời, được tổ chức công việc cụ thể, có sức mạnh của tập thể xã viên, cán bộ, đảng viên, quần chúng không kể ngày đêm hăng say lao động vượt qua khó khăn.

Các hợp tác huy động xã viên khai mương tìm mọi nguồn nước ao hồ dẫn nước vào ruộng, đồng

cao tiếp tục cấy vùi (kiểu trồng cây cạn chờ nước) huy động mọi lực lượng lao động tưới nước giữ ẩm gốc lúa. Chỉ tính riêng năm 1960 nông dân toàn huyện đã bỏ ra 74.544 ngày công đào 70.000 m³ khai mương máng từng bước đẩy lùi hạn hán nên các năm đều đảm bảo diện tích cấy trồng. Năm 1960 đạt 102,28% kế hoạch diện tích, tổng sản lượng lúa đạt 39.789 tấn, 4.255 tấn màu quy thóc. Năng suất lúa 1960 so 1958 tăng 35,04%, bình quân lương thực 323,77 kg thóc/dầu người 1 năm, tăng 6,3% với năm 1957. Về chăn nuôi, riêng đàn trâu 1958 tăng 264 con so với năm 1957, năm 1960 thả cá vượt 30% kế hoạch. Phong trào trồng cây, 3 năm vẫn được duy trì, riêng 1960, toàn huyện trồng được 60 vạn cây lấy gỗ và cây ăn quả.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp bước đầu đi vào kế hoạch từng năm của hợp tác xã nên đã có bước phát triển mới, cung cấp dụng cụ, vật liệu cho cải tạo đồng ruộng.

Đến năm 1960 nền kinh tế huyện Thanh Liêm nói chung đã có bước phát triển. Riêng nông nghiệp về cả ba mặt diện tích, năng suất, tổng sản lượng lương thực đều tăng, đời sống nhân dân được nâng lên, căn bản đẩy lùi được nạn đói kinh niên. Thành tích đó đánh dấu sự phát huy vai trò của quan hệ sản xuất mới, đồng thời khẳng định sự

tài tình của Đảng, trực tiếp tổ chức thực hiện là Đảng bộ Thanh Liêm đã cụ thể hóa nghị quyết của Trung ương và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Nam vào thực tế của địa phương nên đã giành được thắng lợi.

Thắng lợi của phát triển kinh tế đồng thời là nguồn gốc tạo đà tạo thế cho sự nghiệp phát triển văn hóa.

Về giáo dục, sau khi được tỉnh công nhận hoàn thành kế hoạch xóa nạn mù chữ cho nông dân (kế hoạch 1956 - 1958) nhằm nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân, ngành giáo dục của huyện được Đảng bộ chỉ đạo phát triển các ngành học bổ túc văn hóa, phổ thông cấp I, cấp II để bồi dưỡng đào tạo con người mới.

Ngành bổ túc văn hóa huy động mỗi năm từ 5 đến 7 nghìn người đi học, công tác huy động tập trung vào người lao động ở độ tuổi từ 18 đến 35, ba năm đạt 82% kế hoạch, số người học hết chương trình đạt 80%, thi hết cấp I, cấp II đạt từ 95 đến 100%. Giáo dục phổ thông đã có bước phát triển mới cả về số lượng và chất lượng dạy và học. Các nhà trường kết hợp “dạy chữ” để “dạy người”, kết hợp giáo dục tay ba nhà trường - gia đình - xã hội đào tạo con em thành người lao động mới ngay từ các lớp vỡ lòng. Học sinh lớn tuổi hơn được

giáo dục kết hợp học với hành, tùy theo lứa tuổi, cấp học các em tham gia trồng cây, bảo vệ cây, làm thủy lợi, cấy ruộng thí nghiệm... Về số lượng học sinh, lớp học, cấp học mỗi năm một tăng, cấp I : 177 lớp 9.036 học sinh năm 1960, tăng 30 lớp 1.203 học sinh so với 1959; Nhiều xã đã có trường cấp II dưới hai hình thức quốc lập và dân lập. Từ toàn huyện chỉ có một trường cấp II dưới 10 lớp (1955 - 1957) đến 1960 lên 33 lớp 2.009 học sinh, so năm 1959 tăng 13 lớp 849 học sinh. Các lớp vỡ lòng thu hút 3.703 cháu vào học ở 135 lớp, nhiều hơn 1959 là 1.590 cháu.

Để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của quần chúng nông thôn, cấp ủy huyện, xã khuyến khích các cơ sở thành lập đội văn nghệ quần chúng, lập đội văn công nghiệp dư của huyện. Nhiều đội văn nghệ tự biên tự diễn thơ ca, hò vè, chèo, tấu, phản ánh đời sống lao động sản xuất mang nội dung giáo dục giác ngộ quần chúng làm theo đường lối, chủ trương của Đảng. Ngoài các buổi biểu diễn cho nhân dân thôn xóm thưởng thức, các tiết mục chọn lọc còn được biểu diễn trên các công trường thủy lợi để động viên quần chúng lao động. Nhân dịp 30 năm ngày thành lập Đảng, huyện tổ chức hội diễn văn nghệ tại chợ Nghè (Liêm Trực) để tuyên truyền, ca ngợi Đảng, Bác quang vinh, kính yêu.

Các tổ phát hành sách báo, đội chiếu bóng (phim), tổ thông tin thôn xóm đều tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, biểu dương gương người tốt việc tốt để quần chúng noi theo.

Đồng thời với phát triển văn hóa mới, Đảng bộ còn quan tâm bài trừ những hủ tục đang làm cản trở nếp sống văn hóa mới ở nông thôn. Một bộ phận nhỏ người đang hành nghề mê tín lợi dụng “thần thánh” để gieo rắc, mê hoặc một bộ phận nhân dân như đồng bóng, gọi dí, phục hồn, trừ tà bắt ma, chữa bệnh bằng tàn hương nước lã... tác động xấu đến đời sống quần chúng. Để hạn chế tác hại của họ gây ra, các cấp ủy giao cho ngành chức năng giáo dục, ngăn chặn kịp thời. Chấp hành nhiệm vụ được giao, ngành văn hóa thông tin đã kết hợp với chính quyền, các đoàn thể quần chúng... vừa giáo dục, giác ngộ nâng cao sự hiểu biết của quần chúng vừa nhắc nhở, mở lớp cải tạo những người “chuyên buôn thần bán thánh” kiếm lời. Huyện mở một số lớp tập trung “thầy cúng”, “phù thủy” để giáo dục, vạch trần thủ đoạn lừa bịp dân để lấy tiền. Họ đều viết cam kết hứa giải nghệ trở về lao động. Song song với bài trừ hủ tục, Đảng bộ còn tổ chức vận động quần chúng xây dựng nếp sống mới ở nông thôn, trước hết là việc cưới, việc tang. Được quần chúng tin và

làm theo nên nhiều lễ tang tổ chức vừa trang nghiêm vừa tiết kiệm. Các đám cưới tổ chức theo đời sống mới không dựng rạp, chè chén, cỗ bàn tốn kém. Đó là những nét mới biểu hiện sự giác ngộ của quần chúng. Bên cạnh những thành tích đạt được về phát triển văn hóa thì một số cán bộ cơ sở còn mắc khuyết điểm tả khuynh, làm chưa đúng với chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước. Xóa bỏ tục là cần thiết nhưng xóa ngay một tập quán tín ngưỡng là việc làm nóng vội. Nhiều thôn xã đã dồn phật, chung chùa, tháo dỡ một số ngôi đình, một số công trình văn hóa vật chất của dân thôn. Phát hiện sai lầm đó, Đảng bộ đã kịp thời uốn nắn nên việc làm trên đã chấm dứt.

Để chăm lo sức khỏe cho nhân dân, Đảng bộ đã tổ chức xây dựng cơ sở khám chữa bệnh, tạo điều kiện để nhân dân phát triển 3 công trình vệ sinh, tổ chức phong trào thể dục thể thao, rèn luyện thân thể khắp trong huyện. Đến năm 1960 toàn huyện đã xây dựng được 17 trạm xá dân lập, đưa vào sử dụng, ngành y tế của huyện tổ chức nhiều đợt tiêm phòng các bệnh lao, đậu mùa.... kết hợp Nhà nước và nhân dân cùng làm, nhân dân được cấp miễn phí vật liệu (xi măng, khẩu cống) nên cuối năm 1960 toàn huyện

làm thêm 37 giếng khơi, 500 hố xí hai ngăn và nhiều nhà tắm. Hầu hết các xã tổ chức được đội bóng chuyền nam và toàn huyện có hai đội nữ. Đội nam Nam Bồng (Bồng Lạng - Thanh Nghị), đội nữ Bảo Thôn (Liêm Chính) là những đội có trình độ chuyên môn cao. Phong trào luyện tập thể dục buổi sáng, bơi lội, chạy, nhảy cao, nhảy xa đã thu hút hàng vạn người không chỉ đông đảo thanh thiếu niên tham gia mà cả tầng lớp những người trung tuổi tham dự. Do đó sức khỏe được nâng lên, lao động công tác có hiệu quả hơn, mặt khác hạn chế được nhiều hiện tượng tiêu cực khác, góp phần vào xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng lực lượng quốc phòng và an ninh vẫn là nhiệm vụ thường trực của cấp ủy từ huyện đến xã. Năm đầu tiên thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, tính riêng đợt cuối năm tỉnh giao kế hoạch 200 tân binh, huyện giao 220 người, mở đầu truyền thống "... quân không thiếu một người". Đến năm 1959 toàn huyện đã có 9.821 dân quân. Xã có phong trào yếu như Liêm Minh, Thanh Lâm, đến năm 1960 đã hoạt động mạnh trở lại. Do triển khai mạng lưới an ninh nhân dân rộng khắp đến từng thôn xóm và nhân dân luôn là "tai mắt" của chính quyền và lực lượng an ninh nên nông thôn luôn luôn được bình yên. Một số vụ việc trộm cắp nhỏ đều bị phát hiện và bắt đúng người đúng tội.

Các đoàn thể quần chúng phụ nữ, đặc biệt là đoàn thanh niên lao động, dân quân, tiến bộ vượt bậc cả nền nếp sinh hoạt, vui chơi, rèn luyện thân thể đến lao động sản xuất đều nhất nhất ở đâu có việc khó là có thanh niên, dân quân.

Mặt trận Tổ quốc đóng góp không nhỏ vào việc vận động giáo dân gia nhập hợp tác xã, vận động cử tri đi bỏ phiếu bầu HĐND các cấp đạt tỷ lệ 98%.

Ủy ban hành chính được tăng cường cấp ủy, những người có năng lực tổ chức thực hiện. Vì vậy, công tác khó khăn nhất vẫn đảm bảo thắng lợi như: Cách mạng quan hệ sản xuất, khắc phục thiên tai...

Những thành tích đạt được trong 3 năm (1958 - 1960) đã khẳng định công tác xây dựng Đảng có tầm quan trọng đặc biệt.

Đảng bộ không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích chính đáng của nhân dân. Ngay những lúc gặp khó khăn nhất trong lúc cải cách, cấp ủy huyện vẫn mềm dẻo trong phương pháp để thuyết phục cán bộ đội cải cách giải quyết vấn đề, đảm bảo cho dân được bình yên. Hay trong vận động nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ vào con đường làm ăn tập thể cũng là mong muốn cho dân mau chóng được ấm no hạnh phúc.

Công tác xây dựng Đảng trong 3 năm, cấp ủy huyện quan tâm đặc biệt đến công tác tư tưởng, thông qua tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy và rèn luyện tính tiên phong gương mẫu trong các phong trào để vừa củng cố vừa nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên.

Tất cả các đợt học tập, đảng viên tham gia đạt tỷ lệ 91,2% đến 100%. Toàn bộ đảng viên đã gia nhập hợp tác xã. Ban quản lý hợp tác xã đại bộ phận là cán bộ, đảng viên được xã viên tín nhiệm bầu vào.

Các chi bộ cơ sở bầu 188 cấp ủy đủ tiêu chuẩn đúng cơ cấu. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện mùa xuân năm 1960 bầu đủ 23 cấp ủy, đồng chí Đào Văn Chục (nguyên Bí thư) khóa trước chuyển về tỉnh công tác, 1 đồng chí trong Ban Thường vụ được bầu làm Bí thư⁽¹⁾, đồng chí Hoàng Văn Diễn được bầu làm Phó Bí thư. Công tác tự phê bình và phê bình được duy trì đều đặn. Các chi bộ thường xuyên giúp đỡ, giáo dục những đảng viên mắc khuyết điểm, đồng thời xử lý những cán bộ đảng viên mất phẩm chất ; 19 chi ủy viên thiếu tinh

(1) Ông Nguyễn Khắc Doanh vì lý do cá nhân sau này không còn là đảng viên nữa.

thần trách nhiệm ra khỏi ban chi ủy ; 38 đảng viên phải đưa ra khỏi Đảng do vậy nội bộ Đảng trong sạch hơn, cấp ủy, đảng viên nâng cao thêm tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Xét kỷ luật nghiêm minh, nhưng cấp ủy huyện cũng kịp thời động viên tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên có thành tích xuất sắc, tuyên dương 2 chi bộ, 5 tổ Đảng và 83 đảng viên.

Tăng cường thêm sức mạnh của Đảng bộ, các chi bộ thường xuyên bồi dưỡng giáo dục quần chúng trong các phong trào nên đã chọn trong 1.000 quần chúng ưu tú, đã kết nạp 66 đảng viên vào dịp thành lập Đảng mừng 6 tháng giêng. Riêng năm 1960 Đảng bộ kết nạp 249 đồng chí đảng viên mới.

Ba năm (1958 - 1960) là thời điểm đánh dấu mốc son của Đảng bộ. Đảng bộ đã lãnh đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế của huyện, xóa bỏ căn bản nguồn gốc bóc lột, phát huy tinh thần hữu ái giai cấp mang nội dung xã hội - xã hội chủ nghĩa.

Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong huyện khắc phục thiên tai, lạc hậu, đưa nền kinh tế văn hóa của huyện nhà tiến lên một bước mới, đóng góp đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Không dừng ở những thành tích đã đạt được, Đảng bộ còn tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được làm tiền đề cho thời kỳ tiếp sau.

III - THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT, XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT BƯỚC ĐẦU CHO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1961 — 1965) :

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp từ ngày 05 đến 12 tháng 9 năm 1960 xác định nhiệm vụ chung của cả nước và từng miền Bắc - Nam. Đối với miền Bắc - thuộc chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đại hội đề ra đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, đồng thời xác định phương hướng nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch 5 năm (1961 - 1965).

Đây là kế hoạch Nhà nước đầu tiên lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm nhằm tiến công vào nghèo nàn lạc hậu.

Tháng 2 năm 1961, Đại hội lần thứ IV Đảng bộ tỉnh Hà Nam đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ là :

“Quyết tâm phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, đặc biệt ra sức phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước

năm 1961; đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, bảo đảm tự túc lương thực, tiến tới có dự trữ và đóng góp nghĩa vụ với Trung ương”...

Thực hiện đường lối, nhiệm vụ của Trung ương, nhiệm vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đề ra, Đảng bộ huyện Thanh Liêm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể của Đại hội Đại biểu Đảng bộ (1960). Nền kinh tế - xã hội Thanh Liêm đã có bước phát triển trong 3 năm cải tạo (1958 - 1960) nhưng vẫn còn đang nghèo nàn, lạc hậu. Vì vậy Đảng bộ động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong huyện quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm ngay từ năm đầu để lập thành tích chào mừng thắng lợi Đại hội III của Đảng và Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh.

Vốn là nền kinh tế thuần nông, độc canh cây lúa, mùa màng còn bấp bênh nên vấn đề lương thực được đặt lên hàng đầu. Đại bộ phận lao động trong nông nghiệp là lao động thủ công, một lao động chính tích cực cũng chỉ nuôi nổi một khẩu ăn theo, trong khi sức ép tăng dân số vẫn bình quân 2,8% năm. Nhu cầu xã hội đòi hỏi ngày càng nhiều và đa dạng trong đó có ăn, ở, học hành...

Bằng sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân thi đua khắc phục thiên tai, hạn, úng, đẩy mạnh sản

xuất trong chiến dịch : “Đông xuân Hà Nam - Biên Hòa quyết tiến quyết thắng” ⁽¹⁾ đảm bảo tốt sản xuất vụ mùa nên năm 1961 đạt 100,95% kế hoạch diện tích, tổng sản lượng lương thực vượt năm 1960 là 22,8%.

Với khí thế thắng lợi đó Đại hội đại biểu Đảng bộ (27 đến 30 tháng 10 năm 1961), xác định phương hướng, nhiệm vụ cụ thể cho 1962, tiếp tục đưa quần chúng vào các phong trào thi đua “Gió Đại Phong, sóng Duyên Hải, cờ Ba Nhất, trống Bắc Lý”... Vinh dự lớn cho Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm, ngày 01 tháng 8 năm 1961 được Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng ghé thăm hợp tác xã thôn Nhất xã Liêm Cần. Đồng chí đã khen ngợi cán bộ, xã viên hợp tác xã, nhân dân toàn huyện đồng thời giao nhiệm vụ cho Đảng bộ đẩy mạnh củng cố, mở rộng quan hệ sản xuất, thực hiện tốt nhiệm vụ của Đảng đề ra. Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm tiếp thu lời dặn dò và nhiệm vụ của Đồng chí giao cho.

Sau đại hội, Đảng bộ mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong Đảng, quán triệt Nghị quyết Đại

(1) Tỉnh ủy Hà Nam phát động - Biên Hòa tỉnh kết nghĩa với Hà Nam.

hội III của Đảng, Nghị quyết 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (7-1961) về phát triển nông nghiệp.

Mở đợt tuyên truyền đường lối của Đảng trong quần chúng nhân dân.

Các tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng mở các lớp bồi dưỡng chính trị cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về nhiệm vụ chung và nhiệm vụ cụ thể của địa phương. Trên 90% đảng viên, hầu hết đoàn viên thanh niên tham dự học tập. Từ đó nhận thức tư tưởng được nâng lên, mỗi cơ sở Đảng, đảng viên thông qua kiểm điểm tự phê bình đề ra phương hướng phấn đấu của tổ chức và của cá nhân mà vươn lên hoàn thành nhiệm vụ.

Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ cụ thể của địa phương để thực hiện đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa :

..."Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng : Cách mạng quan hệ sản xuất ; cách mạng khoa học - kỹ thuật; cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt".

Từ cuối năm 1960, Thanh Liêm đã căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông

nghiệp, nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể ngày càng gia tăng từ 86% năm 1962 đến 1965 là 94% hộ nông dân vào hợp tác xã. Song do nhiều nguyên nhân nên năm 1962 - 1963 có hợp tác xã tưởng chừng như tan vỡ. Có thời điểm 600 hộ xin ra hợp tác, người ở lại chưa thật yên tâm sản xuất. Không phải bộ phận nông dân này không tán thành con đường hợp tác xã mà bản chất của vấn đề là kinh tế, nguyên tắc phân phối theo lao động bị vi phạm. Những biểu hiện cụ thể ở cả quản lý và đối tượng được quản lý. Phương hướng sản xuất của nhiều hợp tác xã chưa rõ ràng, thiếu cụ thể, trình độ quản lý nhất là quản lý lao động, tư liệu sản xuất còn để lãng phí nhiều. Quản lý tài vụ có nhiều lúng túng, tệ tham ô, lãng phí khá phổ biến, tinh thần trách nhiệm của cán bộ chưa được đề cao. Phong trào cải tiến kỹ thuật còn yếu. Mặt khác nhiều xã viên còn để ruộng cấy ngoài, ý thức làm chủ tập thể chưa cao, lãng công là hiện tượng không hiếm. Từ đó dẫn đến năng suất lao động thấp, thu nhập của tập thể giảm do đó thu nhập của gia đình xã viên chưa đủ chi dùng ở mức bình thường. Cũng do vậy sức ỳ, dựa dẫm của bộ phận xã viên chậm tiến có cơ hội tồn tại.

Nhằm củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp từ cuối năm 1962 đến hết

mùa xuân năm 1964, cấp ủy huyện chủ trương tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp lần thứ nhất. Lần thứ nhất cải tiến được chia làm 5 đợt. Đợt một 39 hợp tác xã thuộc các vùng, các loại hợp tác xã khác nhau : vùng màu mùa, vùng chiêm trũng, vùng đồng bào lương, vùng đồng bào công giáo toàn tông, “xôi đõ”, hợp tác xã khá, trung bình, hợp tác xã yếu kém. Thi hành Chỉ thị 70 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Nghị quyết 35 của Tỉnh ủy Hà Nam, ban chấp hành Đảng bộ huyện đề ra mục đích yêu cầu :

- Các hợp tác xã phải lập được kế hoạch sản xuất.

- Gắn chặt công tác cải tiến quản lý với đẩy mạnh sản xuất toàn diện, phát động mạnh phong trào cải tiến và tiếp thu kỹ thuật mới.

- Gắn chặt công tác cải tiến với tổ chức phát triển Đảng và các đoàn thể quần chúng.

- Tổ chức quản lý ruộng đất, lao động tốt.

Kết thúc đợt I, Tỉnh ủy Hà Nam đánh giá thành tích của huyện Thanh Liêm :

“Các hợp tác xã đã cải tiến quản lý ở Thanh Liêm đã làm thêm 48 gian nhà kho, 8 mẫu

sân phối... xây dựng được 29 nhà văn hóa, 37 nhà giữ trẻ..."⁽¹⁾.

Rút kinh nghiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải tiến quản lý đợt I để chỉ đạo tiếp các đợt tiếp sau, Huyện ủy bỏ khuyết : đợt I thời gian kéo dài, có khuynh hướng làm lướt, đại khái⁽²⁾...

Từ đợt II, Huyện ủy tăng cường mỗi hợp tác xã 1 đến 2 đồng chí cán bộ nhưng lực lượng chủ yếu vẫn là Đảng ủy xã, chi ủy lãnh đạo ban quản lý, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, đội trưởng sản xuất trực tiếp làm. Cấp ủy phân công cụ thể cho từng người, từng việc, định thời gian kiểm kê bỏ khuyết, lên số liệu, làm báo cáo. Vận động quần chúng xã viên tham gia cải tiến đồng thời đẩy mạnh sản xuất. Huyện ủy phân công cấp ủy viên mỗi đồng chí phụ trách 2 đến 3 xã, ủy viên thường vụ phụ trách khu vực (4 khu vực) để xét duyệt báo cáo, phân tích số liệu phát hiện đúng sai để uốn nắn kịp thời⁽³⁾.

Các đợt cải tiến quản lý tiếp theo được tiến hành dưới sự chỉ đạo của cấp ủy huyện đúng yêu cầu mục đích đề ra.

(1) Trích NQ Tỉnh ủy Hà Nam.

(2) Báo cáo CT. Quản lý Huyện ủy Thanh Liêm.

(3) Báo cáo công tác cải tiến quản lý - trang 4.

Đợt 2 : 18 hợp tác xã, đợt 3 : 34, đợt 4 : 24, đợt 5 : 33 hợp tác xã còn lại.

Nhìn chung 4 yêu cầu chính đề ra đều được thực hiện vì vậy đã có mặt tiến bộ :

Nhờ cải tiến quản lý các hợp tác xã đã xác định được phương hướng sản xuất toàn diện hơn, khắc phục tình trạng mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa lúa và hoa màu. Bước đầu đã chú trọng thâm canh. Về quản lý tài vụ đã có tiến bộ, tích lũy được tăng lên : năm 1962 là 4,6% đến 1965 tăng lên 7,84%. Tình trạng sử dụng công quỹ tập thể tùy tiện, tham ô đã được hạn chế. Xã viên ngày càng gắn bó với hợp tác xã, tập trung công sức với tập thể mỗi năm một nhiều : năm 1962 làm 113,8 công, năm 1965 làm 259 ngày công. Tình trạng lãng công giảm dần vì các hợp tác xã đã thực hiện chế độ 3 khoán : khoán nhóm nhỏ, khoán từng khâu, từng việc có định mức công điểm có nghiệm thu. Công cụ cải tiến xe, thuyền, trục lăn, máy tuốt lúa... thay gồng gánh, đập tay nên năng suất lao động tiến bộ hơn lao động cơ bắp.

Tháng 3 năm 1963, Đảng bộ mở Đại hội đại biểu tại đình thôn Dương Xá xã Thanh Hà. Đây là Đại hội bản lề thực hiện kế hoạch 5 năm của

huyện. Đại hội tổng kết nhiệm kỳ 1961 đến hết 1962, đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1963, đồng chí Hoàng Văn Diễm được bầu làm Bí thư. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội 1963, ngày 25 tháng 4 năm 1964 Đại hội đại biểu Đảng bộ định ra phương hướng nhiệm vụ đến hết 1965. Cả hai Đại hội đều tập trung vào nhiệm vụ thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm. Nhiệm vụ trung tâm được quán triệt là tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở huyện.

Cuộc cách mạng quan hệ sản xuất mở đường đã tiến hành thông qua cải tiến quản lý lần một, Ban chấp hành Đảng bộ huyện kết luận :

“Các hợp tác xã qua cải tiến quản lý lần một nói chung đều có tiến bộ, đang tạo điều kiện cho hợp tác xã dần dần phát huy tính hơn hẳn của quan hệ sản xuất mới”⁽¹⁾.

Cũng từ những điều kiện, thành tích đạt được trong hoàn thiện quan hệ sản xuất mà mở đường cho huyện tiến công đẩy lùi nghèo nàn lạc hậu, thực hiện nhiệm vụ vấn đề lương thực là trọng tâm hàng đầu như Đảng bộ đã xác định khi bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm. Tiếp tục thực hiện

(1) Nghị quyết 11/NQ-HU ngày 4-7-1966.

nhiệm vụ Đại hội 1961 - 1963 - 1964 của Đảng bộ đề ra và quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng (4 năm 1963): “Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa”...

Đảng bộ huyện lãnh đạo toàn dân tiến công vào phá thế độc canh, tăng mùa, tăng vụ. Muốn tăng mùa, tăng vụ trước hết yếu tố cần là làm cuộc cách mạng thủy lợi. Phát huy những thành tích ban đầu đã đạt được, trong kế hoạch 5 năm, Đảng bộ đã phát huy cao độ sức mạnh của quần chúng nông dân, xã viên, trí tuệ của tập thể lãnh đạo và của cán bộ chuyên môn, công tác thủy lợi của huyện đã đi vào quy hoạch. Đồng thời kết hợp chặt chẽ với giao thông, phục vụ trực tiếp cho sản xuất, đời sống, làm thay đổi hẳn cục diện đồng ruộng và nông thôn nói chung.

Tiến công vào công tác này, ngay năm 1961, toàn huyện làm bình quân đầu người đạt 16,430 mét khối vượt năm 1960 - 66,3%. Thi hành Nghị quyết của Trung ương và cũng là yêu cầu cấp thiết về sản xuất nông nghiệp và đời sống của quần chúng, Đảng bộ và nhân dân huyện ta bắt tay vào cao trào thủy lợi 2 năm 1962 - 1963. Hàng chục ngàn cán bộ, đảng viên, đoàn viên, dân

quân, xã viên tham gia các công trình thủy lợi sông Kinh Thanh, gia cố đê Đáy, sông Cầu Ghéo, cống Cổ Đàm. Nét nổi bật trong cao trào là công tác tiểu thủy nông bắt đầu được chú trọng. Khắc phục bình độ xen kẽ thấp cao dễ úng hạn cục bộ nhất thiết phải khoanh vùng, trước tiên là vùng mạ và vùng cấy mùa. Nhiều hợp tác xã đã tiến hành và đạt kết quả ban đầu như hợp tác xã Thá (Liêm Chính), Gừa, Cháy (Liêm Thuận), Đanh Xá (Thanh Hương), Cẩm Du (Thanh Lưu)...

Công tác tổ chức đội làm thủy lợi chuyên môn tuy còn mới mẻ nhưng toàn huyện đã có 108 đội, xã Thanh Nguyên, Liêm Trục, Liêm Cầm 100% hợp tác xã có đội thủy lợi. Đội chuyên môn được giao khối lượng, định mức mét khối lao động/công do đó đảm bảo được năng suất. Nhiều đội làm đạt năng suất cao như Chè Làng (Thanh Tâm), Vực (Liêm Cầm), Tín Đôn (Liêm Túc)...

Huyện đã duyệt quy hoạch cho 95 hợp tác xã, 4 xã. Từ 1962 đến 1965 toàn huyện đã làm 2.091.500 ngày công đạt khối lượng 1.992.500 mét khối. Từ các công trình đại thủy nông, trung thủy nông một mạng lưới tiểu thủy nông đã vươn ra hầu khắp các khu vực sản xuất nông nghiệp.

Tiến hành song song với công tác thủy lợi, Đảng bộ lãnh đạo hợp tác xã, xây dựng cơ sở vật chất

khác nhằm mở rộng sản xuất, bước đầu đi vào thâm canh tăng năng suất. Hàng loạt các nhà chế biến dự trữ phân được xây dựng, xây thêm nhà kho, xây và mở rộng sân kho, sử dụng công cụ cải tiến, tiến tới dùng máy thay cho lao động chân tay. Từng bước thực hiện 4 hóa : thủy lợi hóa, cơ khí hóa, điện khí hóa, hóa học hóa. Toàn huyện đã đẩy lên nhiều phong trào : phong trào làm phân bón (phân chuồng, phân lá xanh, bèo dâu, điền thanh) kết hợp dùng phân hóa học (lân, đạm). Cây thẳng hàng, đúng mật độ, dùng giống mới đang mở ra diện rộng...

Bằng nội lực tự làm, mua sắm, được Nhà nước cấp hỗ trợ, đến 1965 toàn huyện đã xây dựng được 230 nhà kho, 336 sân kho, 207 nhà chế biến phân ; mua sắm 126 máy tuốt lúa, 20 máy nổ, 16 máy bơm nước, 24 máy xay xát. Huyện Thanh Liêm còn được Nhà nước hỗ trợ đưa vào sử dụng các trạm bơm điện : Cầu Ghéo, Triệu Xá, Võ Giang, Đức Hòa nên diện tích nông nghiệp được tưới tiêu ngày càng mở ra diện rộng. Hợp tác xã nào cũng có lò thóc mầm, làm cỏ sục bùn bằng cào cải tiến 64a, trừ sâu bằng bình bơm. Chuồng trại chăn nuôi lợn tập thể được xây dựng bán kiên cố. Nhiều hợp tác xã cấy thí điểm ruộng tăng sản, khu chọn lọc giống...

Đường thôn, ngõ xóm, đường ra đồng, bờ vùng được tu bổ.

Về giao thông, từ 1961 đến 1965 đã tu bổ 170 km đường, 310 km đường cũ, 70 km đường mới mặt được rải đá xanh, đá xít. Toàn huyện sắm thêm 290 thuyền gỗ, nhiều thuyền nan ; 429 xe vận tải các loại, góp phần vào “giải phóng đôi vai”. Bộ mặt giao thông nông thôn đã khác xưa, “sáu tháng đi tay” đã lùi về dĩ vãng.

Do cố gắng vượt bậc của Đảng bộ và nhân dân nên huyện Thanh Liêm đã đạt danh hiệu Lá cờ đầu toàn tỉnh về kết hợp thủy lợi với giao thông, được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba kèm theo 1.500 đồng tiền thưởng.

Thực hiện kế hoạch 5 năm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đã thiết thực phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh.

Với tinh thần khẩn trương, cán bộ, đảng viên và nhân dân cùng chung lưng đấu cật, lại có cơ sở vật chất bước đầu tạo thuận lợi chống thiên tai đảm bảo sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

Năm 1962 vụ mùa gặp phải nhiều trận mưa lớn dồn dập, lượng nước từ 257 đến 300 ly, nước dồn đồng trũng, úng lan rộng, cơn bão C ngày 22 tháng 9 tràn qua kèm theo mưa lớn kéo dài ngập úng hầu hết lúa đồng chiêm. Cơn bão số 10

(9-1964) gió mạnh dữ dội, nước mưa, nước từ vùng cao dồn xuống, đồng chiêm lại bị úng nặng, hầu hết lúa bị ngập, nhiều vùng ngập chìm trong nước hay chỉ phát phơ trên mặt nước. Sau mưa bão là nắng to làm nóng nước nếu không cứu ngay là mất trắng, “Của đồng lại quuyến của nhà”. Vì quyền lợi thiết thực lại được lãnh đạo chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền, ban quản lý hợp tác xã tổ chức lực lượng, huy động toàn lực để cứu lúa : gàu, guồng, máy bơm ngày đêm khẩn trương “nghiêng đồng đổ nước ra sông”. Chỉ riêng khắc phục cơn bão số 10, toàn huyện đã huy động 13.000 ngày công, 3.000 bó rào chắn sóng, 12.000 gàu guồng, máy bơm cùng hiệp đồng từng giờ giành giật thắng lợi với thiên tai. Hạn úng là tác nhân bất lợi cho sản xuất cũng chính là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp một no, một đói của nông dân. Vì quyền lợi “sát sườn” nên khi Đảng bộ mở các chiến dịch thi đua “Đồng Nai quật khởi”; bảo vệ vụ mùa “Điện Biên - Ấp Bắc”, đông xuân “Vì miền Nam quyết thắng”... được quần chúng hết mình tham gia. Song song với công tác khắc phục thiên tai, Đảng bộ còn chỉ đạo thực hiện 9 biện pháp liên hoàn, các khâu : nước, phân, cày sâu, bừa kỹ, kịp thời vụ được đặc biệt chú ý. Các hợp tác xã đã đi vào thâm canh : diện tích được bón phân ngày một nhiều lên, phong trào làm phân phục vụ thâm canh đa dạng hơn, kết hợp nhiều loại trong đó,

bèo dậu được phát triển mạnh, năm 1963 toàn huyện thả 850 mẫu. Hợp tác xã Văn Lâm (Liên Tiết) lúa tốt vì được vùi bèo 2 lượt. Huyện tổ chức hội nghị “đầu bờ” (tai nghe, mắt nhìn tại chỗ) từ đó phong trào rộng khắp trong huyện. Đoàn thanh niên lao động vừa là xung kích vừa là chủ lực trong phong trào, nhiều đoàn viên đạt danh hiệu “kiện tướng bèo dậu” được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Vì vậy các năm 1962 đến 1965 toàn huyện đạt kế hoạch diện tích. Năng suất lúa trên héc ta năm 1962 đạt 3.702 kg, 1963 : 3.483 kg, 1964 : 3.702 kg, vụ chiêm 1965 đạt 1.975 kg/ha. Tổng sản lượng lương thực nhìn chung mỗi năm một tăng : 1962 : 25.365 tấn, 1963 : 26.177 tấn, 1964 : 31.138 tấn, năm 1965 cả 2 vụ đều có chiến tranh phá hoại vẫn đạt 28.771 tấn ⁽¹⁾. Diện tích và tỷ trọng hoa màu trong lương thực tăng đáng kể. Riêng tỷ trọng năm 1962 chiếm 7,8%, năm 1963 thấp nhưng vẫn ở mức 7,2%, các năm 1964, 1965 đều trên 10%.

Ngành tiểu thủ công nghiệp cũng gia tăng về số lượng và giá trị thu nhập. Đến năm 1965 đã có một nghìn xã viên vào 12 hợp tác xã. Giá trị tổng sản phẩm 1.722.400 đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch 16,4%, hai đơn vị trong 12 hợp tác xã đạt danh hiệu tiên tiến của ngành là hợp tác xã Minh Sơn;

(1) Số liệu thống kê Chi cục Nam Hà - trang 272.

đá, vôi Thanh Lâm. Các hợp tác xã : Tín dụng, mua bán, các ngành chuyên môn như Ngân hàng, Tài chính, Thương nghiệp, Mua bán, Lương thực cấp huyện cũng ngày một phát triển, tập trung phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện. Thực hiện sản xuất đi đôi với tiết kiệm, ngành Tín dụng năm 1965 đạt 140,4% kế hoạch. Năm 1964 Thanh Hương đạt số dư bình quân đầu người cao nhất, năm 1965, Thanh Thủy giành lá cờ đầu của huyện.

Từ điểm xuất phát bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm có thuận lợi nhưng khó khăn không ít, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp nhưng Đảng bộ từng thời gian, từng nhiệm vụ đã có chủ trương và đề ra giải pháp thích hợp với tình hình. Phát huy vai trò của quần chúng, tùy theo chức năng của từng đoàn thể, tổ chức xã hội làm cầu nối thực hiện nhiệm vụ của cấp ủy đề ra. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhận thức được vai trò đoàn kết toàn dân cùng chung một chí hướng hoàn thành nghĩa vụ công dân với đất nước. Đặc biệt là công tác xây dựng chính quyền. Công dân đến tuổi bầu cử đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ nên đợt bầu cử Quốc hội khóa III cử tri đã đi bầu đạt 99,83%. Đảng viên của Đảng bộ có đồng chí trúng cử vào đại biểu Quốc hội.

Trong 5 năm, Đảng bộ luôn chủ trương củng cố phát triển các đoàn thể gắn với phong trào thi đua yêu nước nhưng tùy theo giới tính, chức năng,